

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày : 28/01/2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bạch Văn Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cử và ông Đinh Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Đăng K**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên

**- Bị đơn: Nguyễn H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn Đ, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Nguyên đơn Nguyễn Thị Đăng K trình bày:***

Quan hệ hôn nhân: Tôi và bị đơn Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bị đơn Nguyễn H.

Con chung: Có 01 con chung Nguyễn Khoa D, sinh ngày 30/5/2019. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bị đơn Nguyễn H cấp dưỡng.

Tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn Nguyễn H:** Đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn, trực tiếp nuôi con chung; nghĩa vụ cấp dưỡng và tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân với nhau. Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do nguyên đơn cung cấp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S1 thể hiện: *“Tháng 02/2020, chị Kh và anh H không còn chung sống với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Từ các tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân của hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[3] Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của nguyên đơn: Con chung Nguyễn Khoa D, sinh ngày 30/5/2019 hiện đang còn nhỏ và ở với mẹ. Để bảo đảm tình yêu thương giữa mẹ con nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Đối với tài sản, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Đăng Kh. Nguyên đơn Nguyễn Thị Đăng Kh được ly hôn với bị đơn Nguyễn H.

2. Con chung: Giao con chung Nguyễn Khoa D, sinh ngày 30/5/2019 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Đăng Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Bị đơn Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí: Buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Đăng Kh phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006222 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND huyện S (02);
- Chi cục THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã E (01);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bạch Văn Trinh**